

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG NGỰ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2017/HNGĐ-ST  
Ngày: 11/7/2017  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Lê Kim Tuyền.
2. Bà Võ Thị Hương Giang.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Y Phụng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đực – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2017, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1967, có mặt.
2. Bị đơn: Ông Bùi Văn C, sinh năm 1955, vắng mặt.
3. Người làm chứng:
  - 3.1 Ông Bùi Văn C1 sinh năm 1952, vắng mặt.
  - 3.2 Bà Bùi Thị Thu H, sinh năm 1957, vắng mặt.

Tất cả cùng địa chỉ cư trú: ấp Long Thạnh B, xã Long Khánh A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Về quan hệ hôn nhân:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 02 năm 2017, trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, trình bày:

Vào năm 1998, không nhớ ngày tháng, bà và ông C cưới nhau, không có đăng ký kết hôn vì thấy nhiều người không có đăng ký kết hôn nên bà và ông C

không biết mà đi đăng ký kết hôn. Không nhớ ngày tháng năm thì bà có chung sống với ông Nguyễn Văn H có một con chung, lúc chung sống với ông H thì cũng không có đăng ký kết hôn. Sau khi ly hôn với ông H thì đến năm 1998 bà kết hôn với ông C. Hôn nhân do cha mẹ quyết định nhưng bà cũng đồng ý kết hôn với ông C. Sau khi cưới, bà ông C sống cùng với gia đình bà. Bà ở nhà lo buôn bán, còn ông C đi làm hồ, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng cũng hạnh phúc. Vì ông C chỉ lo ăn chơi, làm được bao nhiêu tiền thì ông C lo chơi bởi hết không lo được gì cho vợ con. Nhiều lần ông C chơi bởi cầm xe, mượn nợ, bà và gia đình bà đã ra trả nợ cho ông C. Bà đã khuyên can nhiều lần và ông C cũng hứa sẽ sửa đổi nhưng chỉ được vài ngày thì ông C lại tiếp tục ăn chơi, không thay đổi. Vì thương con nên bà đã chịu đựng và mong ông C sẽ sửa đổi nhưng ông C không thay đổi mà chỉ biết chơi bởi, không biết lo làm ăn, không lo gì cho vợ con và gia đình. Bà và ông C không còn sống chung từ tháng 10 năm 2016 đến nay. Vì ông C đi làm thợ hồ ở nhiều nơi nhưng cũng thường xuyên về nhà, mỗi lần về nhà được 01 – 02 ngày rồi lại đi tiếp, có khi về thì ông C ở nhà em ruột. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, bà yêu cầu ly hôn với ông Bùi Văn C.

2. Về nuôi con chung: Bà và ông C chung sống có một con chung tên Bùi B, sinh ngày 23/11/1999 đang sống cùng bà, trong đơn khởi kiện bà trình bày con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng hiện tại Bùi B chưa đủ 18 tuổi, nên bà yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và tự nguyện không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Còn con thứ hai có tên trong sổ hộ khẩu gia đình tên Nguyễn Duy P, sinh ngày 12/6/1990 là con riêng của bà, không phải là con chung với ông C và đã trưởng thành, có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về vợ chồng: Vợ chồng không có thiếu nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

Bị đơn ông Bùi Văn C, đã được Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp và hòa giải và triệu tập xét xử theo đúng thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông C vẫn không có mặt, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai cùng ngày 07/4/2017 người làm chứng bà Bùi Thị Thu H và ông Bùi Văn C1, trình bày: Ông, bà là em ruột của ông Bùi Văn C. Ông C và bà D ly dị nhau hơn 01 năm nay, mỗi người sống một nơi. Hiện ông C đi làm chiều về ngủ tại nhà bà Thu H đến sáng thì ông C đi làm tiếp. Con ông C và bà D tên B đang sống cùng bà D và đã tự lao động sinh sống được. Ông, bà không có mâu thuẫn gì với bà D, ông C và không biết gì khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị D và ông Bùi Văn C. Về con chung chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung Bùi B cho bà D được tiếp tục nuôi dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa bà và ông Bùi Văn C được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Bùi Văn C lần thứ hai đến Tòa án để mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông C vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và triệu tập ông C hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng ông C cũng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người làm chứng ông Bùi Văn C1, bà Bùi Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt nhưng những người làm chứng đã có lời khai với Tòa án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### **[2] Về nội dung:**

Bà Nguyễn Thị D và ông Bùi Văn C chung sống như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì hôn nhân không được pháp luật thừa nhận, việc kết hôn không có giá trị pháp lý. Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý” và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình cũng quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”. Do đó, Hội đồng xét xử phải tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị D và ông Bùi Văn C.

Về nuôi con chung: Xét yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của bà Nguyễn Thị D có cơ sở để chấp nhận. Vì, tại biên bản lấy lời khai của bà Bùi Thị Thu H, ông Bùi Văn C1 cùng ngày 07/4/2017 thì khi bà D, ông C không còn sống chung thì cháu B sống cùng bà D. Đồng thời con chung Bùi B có nguyện vọng muốn sống cùng bà D. Do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên giao con chung Bùi B cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D tự nguyện không yêu cầu ông Bùi Văn C cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về quyền thăm nom con chung: Ông Bùi Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án. Bà D trình bày tài sản chung và nợ chung đều không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị D chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn. Bị đơn ông Bùi Văn C không phải chịu tiền án phí ly hôn.

Xét, đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị D và ông Bùi Văn C.

2. Về nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị D.

2.1 Giao con chung Bùi B, sinh ngày 23/11/1999 cho bà Nguyễn Thị D được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2 Ông Bùi Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con do bà D tự nguyện không yêu cầu. Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 00856 ngày 01/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/7/2017), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có

mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

**Nguyễn Thị Thùy Dung**